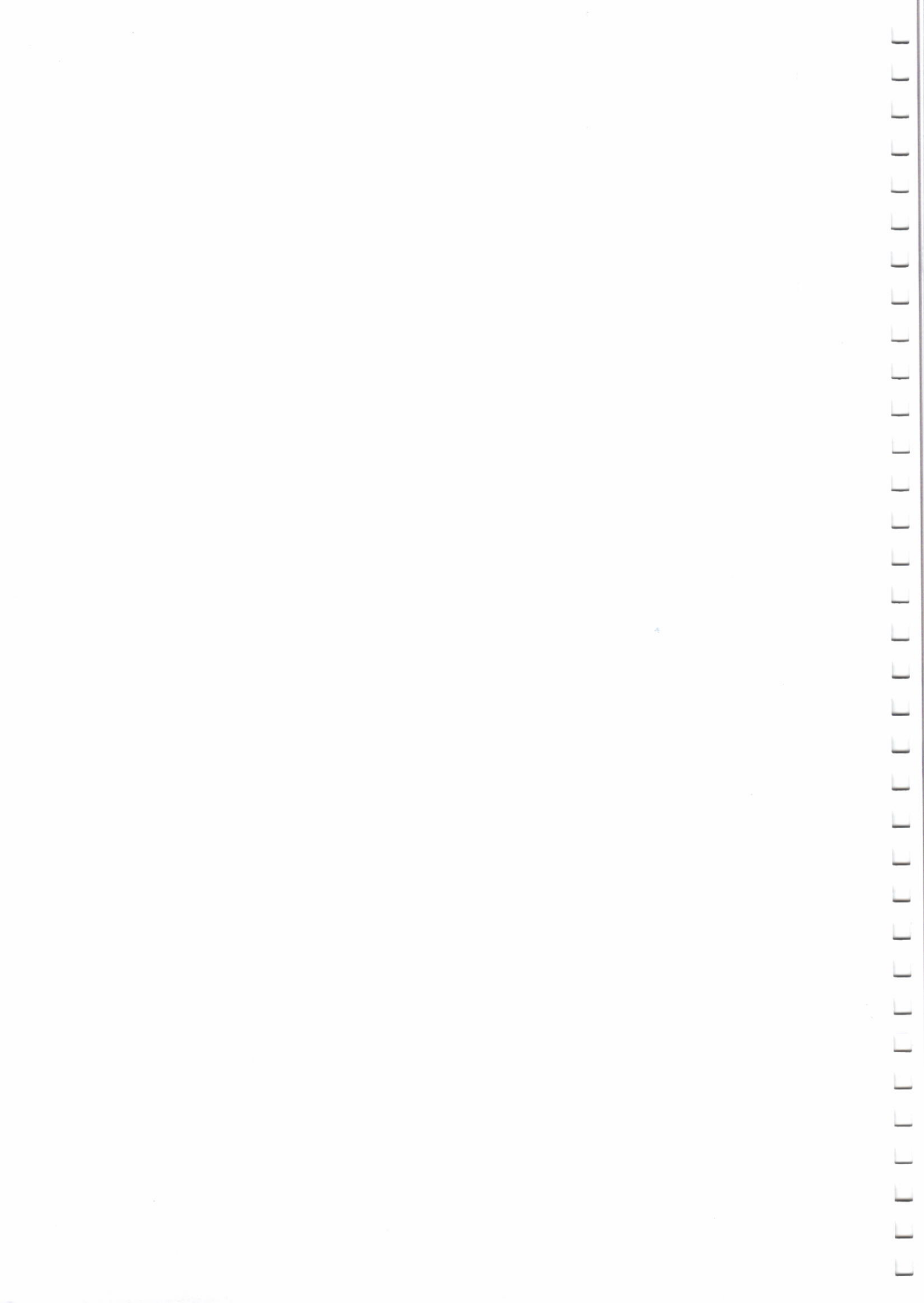


**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thanh Hóa, tháng 3 năm 2018



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1-2
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	3-5
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-40

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đ (Hai trăm mười tỷ đồng)

### Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

#### Hội đồng quản

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên
Ông Lê Xuân Hoàng	Thành viên
Ông Trương Thành Long	Thành viên
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc, miễn nhiệm 2/2017
Ông Nguyễn Trung Liêm	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc, bổ nhiệm 6/2017

### Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

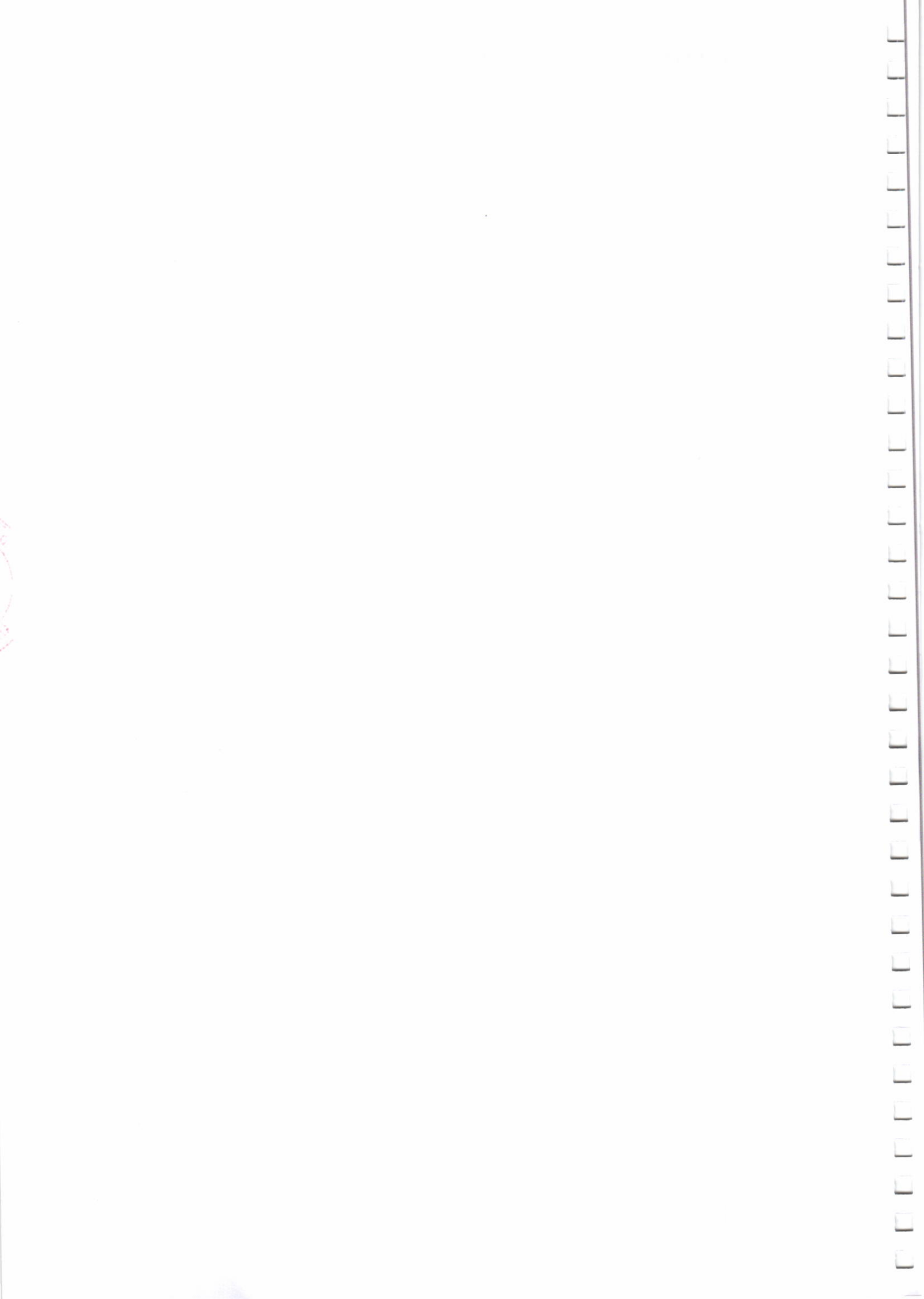
### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Đối với việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:





# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Quốc Đạt

Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2018

1/20/2020

Số: 297 /2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi :**        **Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2018 từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận số dư công nợ của một số khách hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 thuộc các khoản mục gồm "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" 2.073.445.141 đồng, "Phải thu dài hạn của khách hàng" 4.277.999.713 đồng, "Phải thu ngắn hạn khác" 26.866.624.448 đồng, "Phải thu dài hạn khác" 10.487.542.727 đồng, "Trả trước người bán ngắn hạn" 1.555.141.196 đồng, "Trả trước cho người bán dài hạn" 8.002.591.207 đồng, "Phải trả người bán ngắn hạn" 4.113.401.793 đồng và "Phải trả người bán dài hạn" 38.540.670.805 đồng. Do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không;
- Thuyết minh số V.6 Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày, trong năm 2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 11.783.319.653 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, mặc dù chưa thu hồi bất kỳ số tiền nào từ các khoản nợ phải thu đã trình bày, nhưng Công ty chưa tái lập dự phòng đối với các khách nợ liên quan;



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)**

- Như trình bày tại Thuyết minh V.05b, khoản phải thu có giá trị 7.464.542.727 đồng đối với Ông Dương Trọng Hưng liên quan tới chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thực hiện nhưng không có hóa đơn chứng từ. Các khoản chi phí này phát sinh từ năm 2011, thời điểm Ông Dương Trọng Hưng là cán bộ của Công ty. Đến nay, Ông Dương Trọng Hưng vẫn chưa xác nhận khoản nợ này và Công ty chưa thu hồi được bất kỳ số tiền nào từ số nợ phải thu của Ông Dương Trọng Hưng đồng thời cũng chưa tiến hành lập dự phòng cho khoản phải thu này;
- Như trình bày tại Thuyết minh V.08a, chi phí đi vay (ước tính) liên quan đến dự án “Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” 109.939.418.061 đồng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017;
- Như trình bày tại Thuyết minh V.08b, Dự án “Nhà máy cơ khí và SX Vật liệu” đã được bàn giao cho Công ty TNHH Hải Hà, tuy nhiên các chi phí quản lý dự án bao gồm chi phí quản lý và chi phí tiếp khách có giá trị 10.041.837.378 đồng đã được trình bày trên Bảng cân đối kế toán như một khoản chi phí trả trước.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.8 (a) phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh này trình bày về điều kiện thực hiện Hợp đồng Số 41/2011/HĐCN ngày 30/11/2011 với nội dung Công ty chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Theo đó, hợp đồng chuyển nhượng chỉ có thể được thực hiện với sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam do dự án đã thế chấp cho các khoản vay dài hạn. Đến thời điểm 31/12/2016, chưa có bằng chứng chắc chắn cho thấy Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chấp thuận hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Tuy nhiên, như đã trình bày, một phần dự án đã được ghi nhận doanh thu trong các năm tài chính trước đây.
- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.8 (b) phần Thuyết minh báo cáo tài chính, về sự liên quan tới số dư khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án 157 ha Nghi Sơn 19.367.945.472 đồng. Dự án đã bị chấm dứt tại ngày 1/8/2013 theo quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS của Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn. Ngày 24/9/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng Anh Phát – CTCP đồng thời là cổ đông lớn về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án tổng số là 26.422.536.093 đồng, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 đồng, liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan. Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP để làm rõ giá trị còn chưa thống nhất.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

Thường

---

**Nguyễn Tài Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1*  
*Giấy Ủy quyền số: 05/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày*  
*10/10/2015 của Tổng Giám đốc*

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018*

---

**Nguyễn Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**

*Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0857-2018-137-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>211.379.039.154</b>	<b>145.498.603.377</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>29.862.997.229</b>	<b>1.131.325.442</b>
1. Tiền	111		11.631.125.645	1.131.325.442
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.231.871.584	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>37.251.971.100</b>	<b>25.494.282.399</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.251.971.100	25.494.282.399
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.487.525.765</b>	<b>42.897.044.882</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	34.372.584.936	6.564.663.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	4.305.330.270	1.088.870.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	33.809.610.559	35.243.511.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>59.210.461.611</b>	<b>67.147.500.336</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.210.461.611	67.147.500.336
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.566.083.449</b>	<b>8.828.450.318</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.369.041.642	2.043.163.208
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	883.291.703
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	60.521.822	60.521.822
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		136.519.985	5.841.473.585
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>429.635.444.142</b>	<b>511.900.765.427</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>147.847.756.978</b>	<b>144.906.655.928</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	74.818.025.510	72.831.510.991
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	62.562.188.741	61.607.602.210
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	10.487.542.727	10.487.542.727
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(20.000.000)	(20.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.435.259.676</b>	<b>4.145.448.828</b>
<b>I. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.09</b>	<b>3.435.259.676</b>	<b>4.145.448.828</b>
- Nguyên giá	222		11.202.458.946	11.202.458.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.767.199.270)	(7.057.010.118)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>56.153.662.775</b>	<b>58.595.123.195</b>
- Nguyên giá	241		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.082.205.936)	(14.640.745.516)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>218.968.857.670</b>	<b>298.655.499.545</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	261		199.600.912.198	242.209.430.021
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	262		19.367.945.472	56.446.069.524
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>3.122.891.909</b>	<b>5.451.035.517</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.296.788.082	18.296.788.082
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15.173.896.173)	(12.845.752.565)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>107.015.134</b>	<b>147.002.414</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	107.015.134	147.002.414
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>641.014.483.296</b>	<b>657.399.368.804</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>508.296.599.711</b>	<b>519.694.617.546</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>104.077.419.904</b>	<b>110.946.825.740</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.759.359.226	15.406.206.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	6.764.358.100	7.687.269.162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	994.644.478	1.023.468.304
4. Phải trả người lao động	314		434.633.866	637.750.576
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.113.456.594	7.614.231.523
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	182.747.149	1.010.822.660
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	76.358.981.000	74.036.237.922
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.469.239.491	3.530.839.491
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>404.219.179.807</b>	<b>408.747.791.806</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	75.101.045.132	79.148.373.708
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	19.251.336.896	19.732.620.319
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	309.866.797.779	309.866.797.779
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.717.883.585</b>	<b>137.704.751.258</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>132.717.883.585</b>	<b>137.704.751.258</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(85.205.593.995)	(80.218.726.322)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>641.014.483.296</b>	<b>657.399.368.804</b>



Nguyễn Quốc Đạt  
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Trịnh Thị Thương  
Kế toán trưởng

Dương Thị Nhung  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	122.743.771.542	44.816.817.212
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	25.660.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		122.743.771.542	44.791.157.212
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	109.659.060.867	37.421.211.630
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.084.710.675</b>	<b>7.369.945.582</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.376.206.794	62.261.541
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.895.195.905	4.043.253.164
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.590.383.838	7.211.384.402
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.975.337.726</b>	<b>(3.822.430.443)</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.05	3.183.142.207	5.389.592.825
12. Chi phí khác	32	VI.06	1.656.926.168	533.351.131
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.526.216.039</b>	<b>4.856.241.694</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.501.553.765</b>	<b>1.033.811.251</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	9.488.421.438	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(4.986.867.673)</b>	<b>1.033.811.251</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(237)	49
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(237)	49

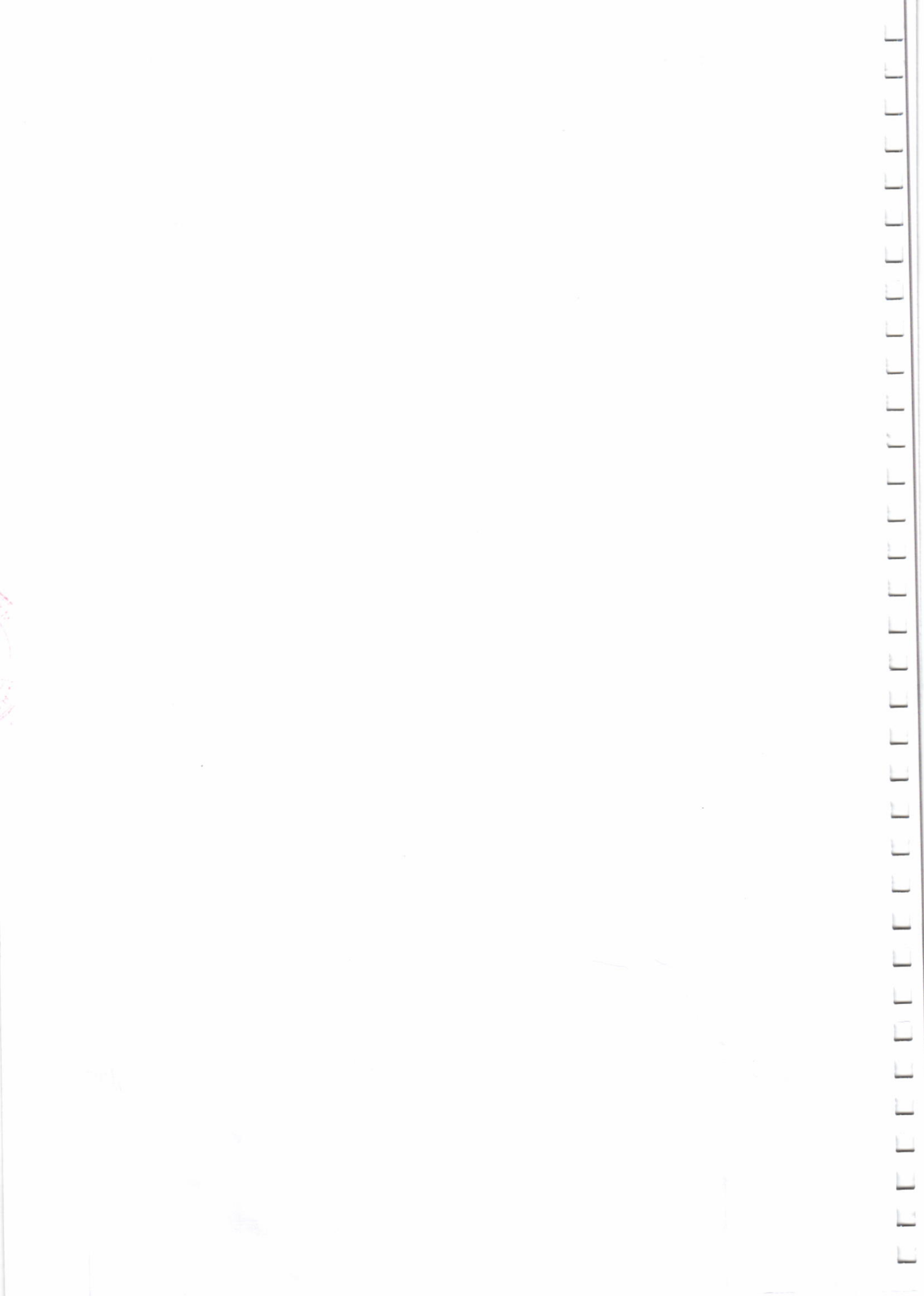


Nguyễn Quốc Đạt  
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Trịnh Thị Thương  
Kế toán trưởng

Dương Thị Nhung  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.501.553.765</b>	<b>1.033.811.251</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>2.224.544.202</b>	<b>7.340.235.833</b>
- Khấu hao TSCĐ	02	3.277.491.865	3.588.073.578
- Các khoản dự phòng	03	2.328.143.608	1.469.161.949
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.948.143.568)	(291.090.909)
- Chi phí lãi vay	06	2.567.052.297	2.574.091.215
<b>3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.726.097.967</b>	<b>8.374.047.084</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(27.838.206.895)	(1.180.922.234)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	7.937.038.725	(12.045.909.156)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(13.965.070.132)	2.565.440.658
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	210.491.679	231.094.959
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(34.001.557.601)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(9.488.421.438)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	883.291.703	3.699.147.059
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(730.915.228)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(69.536.335.992)</b>	<b>911.983.142</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(601.875.067)	(2.662.387.245)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	76.626.013.946	291.090.909
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.494.282.399)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.243.868.900	4.500.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>98.268.007.779</b>	<b>(365.578.735)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(813.456.726)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(33.500.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(846.956.726)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2017 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VNĐ	
		Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	28.731.671.787	(300.552.319)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.131.325.442	1.431.877.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.862.997.229	1.131.325.442



Nguyễn Quốc Đạt  
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Trịnh Thị Thương  
Kế toán trưởng

Dương Thị Nhung  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đ (Hai trăm mười tỷ đồng).

#### 2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm sản trừ gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa; và một số dịch vụ khác.

### II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****1. Các loại tỷ giá hối đoái**

*Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

*Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...) được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng mà công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...) được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định tiền*

Tiền bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay*

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

*Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho*

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định***Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

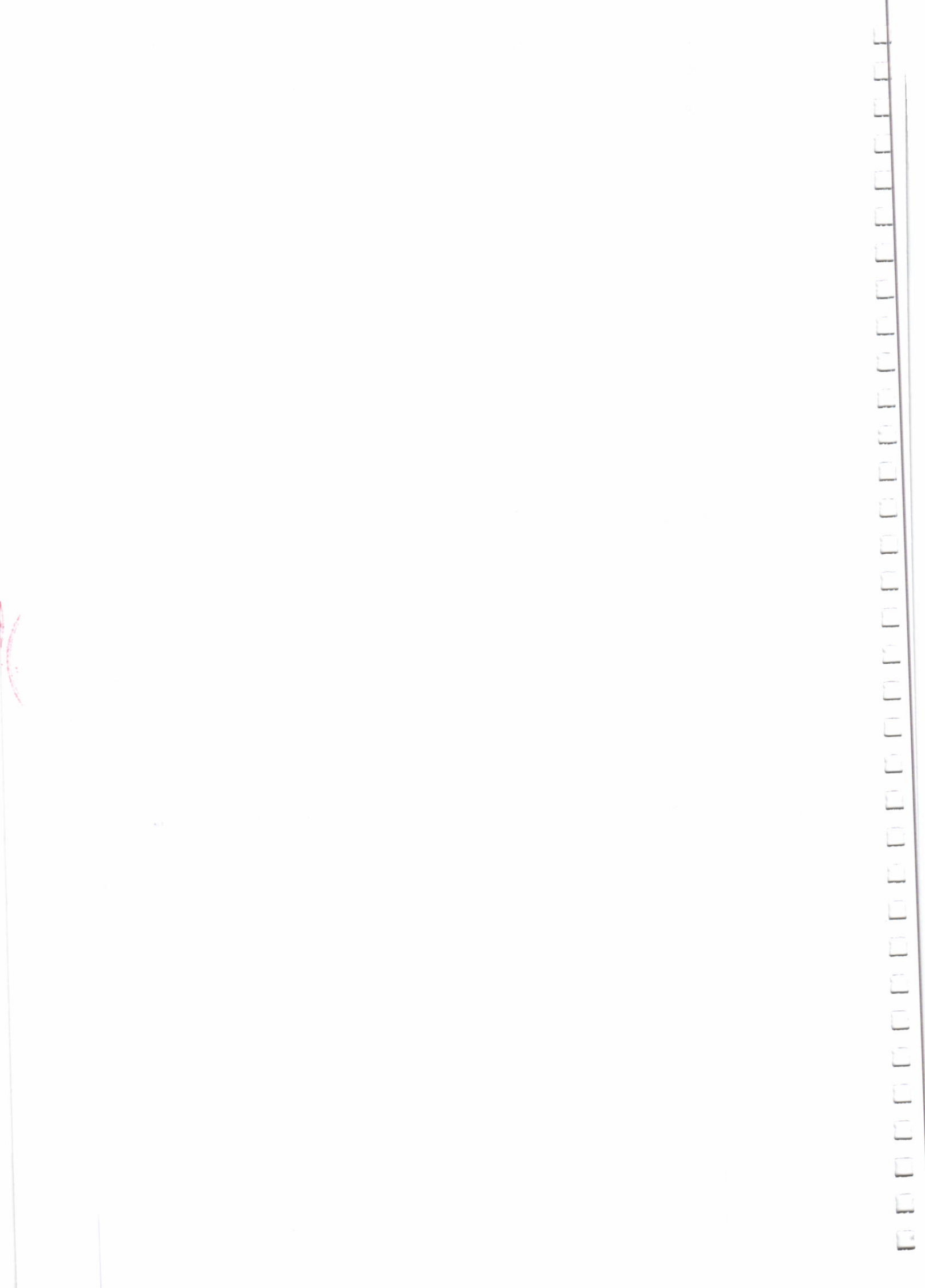
Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

*Phương pháp khấu hao*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

	2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư***Nguyên tắc ghi nhận*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao*

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

*Phương pháp phân bổ chi phí trả trước*

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

**11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

**18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác



10/10/2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập chịu thuế theo thuế suất hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế của tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận.

**21. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**22. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****24. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp, kinh doanh bất động sản và các dịch liên quan. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động được trình bày tại Thuyết minh số VI.1 và số VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VNĐ

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt Việt nam đồng	1.523.760.188	195.778.321
Tiền gửi ngân hàng	10.107.365.457	935.547.121
- Tiền gửi Việt nam đồng	10.107.365.457	935.547.121
Các khoản tương đương tiền	18.231.871.584	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	18.231.871.584	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.862.997.229</b>	<b>1.131.325.442</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 02. Các khoản đầu tư tài chính

## a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Dầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (*)	756.131.100	756.131.100	23.000.000.000	23.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	36.495.840.000	36.495.840.000	2.494.282.399	2.494.282.399
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.251.971.100</b>	<b>37.251.971.100</b>	<b>25.494.282.399</b>	<b>25.494.282.399</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 8/9/2011, Công ty chuyển giao 27.500.000.000 tỷ đồng cho Công ty Dầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Bản chất kinh tế của hợp đồng là việc Công ty cho vay ngắn hạn với lãi suất 17%/năm. Hợp đồng gốc có thời hạn đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày 9/9/2011. Khoản đầu tư này đã được gia hạn 3 lần, thời gian đáo hạn theo phụ lục số 3 là ngày 12/6/2013. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/6/2013. Năm 2016, Công ty đã thu hồi 4.500.000.000 đồng, và trong năm 2017 Công ty đã thu hồi 22.243.868.900 đồng từ khoản đầu tư này.

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư phí sử dụng vốn có giá trị 6.492.986.111 đã được Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng xác nhận và trình bày như là một khoản phải thu khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết khoản đầu tư và phí sử dụng vốn này sẽ được thu hồi chắc chắn trong tương lai.

## b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (*)	18.296.788.082	3.122.891.909	18.296.788.082	5.451.035.517
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.296.788.082</b>	<b>3.122.891.909</b>	<b>18.296.788.082</b>	<b>5.451.035.517</b>

(\*) Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (KSLK) có vốn điều lệ 190.000.000.000 đồng chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,3% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty CP Khách sạn Lam Kinh chưa hoàn thành báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 nên Công ty đã thực hiện việc lập dự phòng dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

Handwritten red scribble or mark on the left margin.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu từ khách hàng thông thường</b>	<b>20.799.356.125</b>	-	<b>6.100.883.245</b>	-
<i>Trong đó:</i>				
Tổng công ty XD số 01-TNHH 1 thành viên	1.097.643.863	-	1.097.643.863	-
Ban điều hành dự án NM nhiệt điện Thái Bình	2.231.136.215	-	-	-
Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa	10.578.572.858	-	-	-
Công ty TNHH Hùng Sơn	3.225.028.000	-	1.132.268.000	-
Công ty TNHH DTXD và TM Bắc Nam	1.317.787.000	-	-	-
Các khách hàng khác	2.349.188.189	-	3.870.971.382	-
<b>Phải thu từ bên liên quan</b>	<b>13.573.228.811</b>	-	<b>463.780.000</b>	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>				
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.372.584.936</b>	-	<b>6.564.663.245</b>	-

b) Phải thu dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu từ khách hàng thông thường</b>	<b>4.277.999.713</b>	-	<b>4.277.999.713</b>	-
Công ty CP KTKS luyện kim Thanh Hà	3.713.820.000	-	3.713.820.000	-
Ban ĐH Dự án nhà máy xơ sợi Polyester Hải Phòng - Tổng Cty PVC	564.179.713	-	564.179.713	-
<b>Phải thu từ bên liên quan</b>	<b>70.540.025.797</b>	-	<b>68.553.511.278</b>	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>				
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.818.025.510</b>	-	<b>72.831.510.991</b>	-

Handwritten mark or signature in red ink.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**04. Trả trước cho người bán**

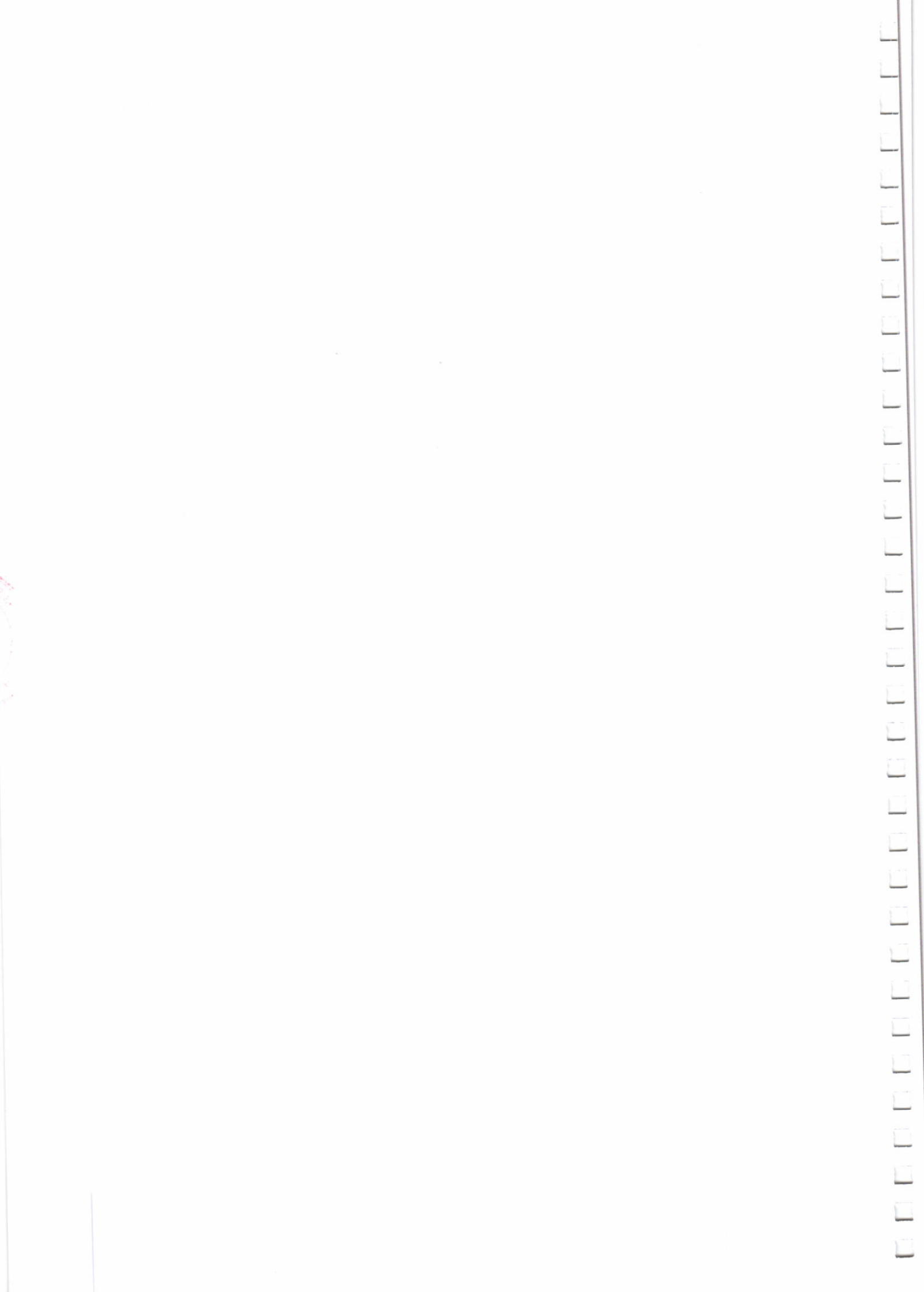
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Trả trước cho người bán thông thường</b>	<b>3.216.460.270</b>	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và thiết bị Tuấn Phát	580.000.000	-	-	-
Công ty CP điện máy vật tư xây dựng 05 Hàng Đồng	561.840.475	-	-	-
Các khách hàng khác	2.074.619.795	-	-	-
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>1.088.870.000</b>	-	<b>1.088.870.000</b>	-
(Thuyết minh VII.1)				
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.305.330.270</b>	-	<b>1.088.870.000</b>	-

**04. Trả trước cho người bán**

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Trả trước cho người bán thông thường</b>	<b>21.202.145.470</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>28.679.841.349</b>	<b>(20.000.000)</b>
<i>Trong đó:</i>				
Công ty CP khoáng sản xây dựng phụ gia xi măng Thanh Hoá	16.353.500.000	-	16.353.500.000	-
Quân Đoàn 1	-	-	5.000.000.000	-
UBND Xã Mai Lâm	-	-	1.500.000.000	-
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty CP xây dựng và TM Hùng Đô	1.148.135.182	-	1.148.135.182	-
Doanh nghiệp tư nhân Quý Thắng	642.064.500	-	642.064.500	-
Cty CP tư vấn và ĐTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
Các khách hàng khác	1.738.445.788	-	2.716.141.667	-
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>41.360.043.271</b>	-	<b>32.927.760.861</b>	-
(Thuyết minh VII.1)				
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.562.188.741</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>61.607.602.210</b>	<b>(20.000.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

MÃ SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**05. Phải thu khác**

a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác từ khách hàng thông thường</b>	<b>28.189.647.601</b>	-	<b>27.669.668.945</b>	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các nhà thầu Dự án Nghi Sơn (*)	20.419.838.927	-	20.352.111.637	-
Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Sông Hồng (**)	6.942.986.111	-	6.942.986.111	-
Công ty CP Kinh Doanh dịch vụ cao cấp Dầu Khí (PVCRR)	100.000.000	-	100.000.000	-
Các khách hàng khác	726.822.563	-	274.571.197	-
<b>Tạm ứng của CBCNV</b>	<b>3.119.207.311</b>	-	-	-
<b>Phải thu khác từ bên liên quan</b>	<b>2.500.755.647</b>	-	<b>7.573.842.692</b>	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>				
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.809.610.559</b>	-	<b>35.243.511.637</b>	-

(\*) Bao gồm các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý, chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng và các chi phí chung mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán. Tại thời điểm 31/12/2017, tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu chưa được xác định nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ này.

(\*\*) Bao gồm chi phí sử dụng vốn phải thu đối với Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Sông Hồng về khoản góp vốn đầu tư ngắn hạn vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai như trình bày tại Thuyết minh số V.02.



10/10/10

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 05. Phải thu khác

b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dương Trọng Hưng (*)	7.464.542.727	-	7.464.542.727	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	34.000.000	-	34.000.000	-
Khách hàng khác	2.989.000.000	-	2.989.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.487.542.727</b>	<b>-</b>	<b>10.487.542.727</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản phải thu ông Dương Trọng Hưng liên quan đến giá trị hoàn thành thi công tại công trình Dự án 157 ha Nghi Sơn từ năm 2011 nhưng chưa có hồ sơ chứng từ.

## 06. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty CP tư vấn và ĐTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>20.000.000</b>	<b>(20.000.000)</b>

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khách hàng sau:

	Nợ gốc	Dự phòng (50%)	Hoàn nhập
Công ty CP KTKS luyện kim Thanh Hà	3.713.820.000	1.856.910.000	(1.856.910.000)
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	1.749.659.652	(1.749.659.652)
Công ty CP khoáng sản xây dựng phụ gia xi măng Thanh Hoá	16.353.500.000	8.176.750.000	(8.176.750.000)
<b>Cộng</b>	<b>23.566.639.305</b>	<b>11.783.319.652</b>	<b>(11.783.319.652)</b>

Đến thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thu hồi được bất kỳ số tiền nào từ các khoản phải thu nói trên. Tuy nhiên, Công ty đã không tiền hành tái lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

MÃ SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**07. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn</b>				
Thành phẩm	34.673.970.323	-	41.891.076.494	-
Trong đó:	24.536.491.288	-	25.256.423.842	-
DA SLMB Liên hợp LHD Nghi Sơn	20.128.507.101	-	20.848.439.655	-
DA 25 ha Nghi Sơn	523.295.098	-	523.295.098	-
An sinh xã hội	3.860.515.127	-	3.860.515.127	-
Đá bazan	24.173.962	-	24.173.962	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.210.461.611</b>	<b>-</b>	<b>67.147.500.336</b>	<b>-</b>

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án "Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở" (*)	199.600.912.198	236.427.098.153	242.209.430.021	236.427.098.153
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.600.912.198</b>	<b>236.427.098.153</b>	<b>242.209.430.021</b>	<b>236.427.098.153</b>



1971-1972

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****08. Tài sản dở dang dài hạn****a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn**

- (\*) Dự án có tên gọi “Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh hóa” được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5m<sup>2</sup> giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm Dự án Khách sạn Lam Kinh trên khu đất có diện tích 18.791,9m<sup>2</sup> và Dự án giai đoạn hai trên khu đất có diện tích 13.483,6m<sup>2</sup>.

Đối với Dự án Khách sạn Lam Kinh, ngày 30/11/2011, Công ty và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) ký kết hợp đồng chuyển nhượng Số 41/2011/HĐCN về việc Công ty chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho KSLK. Tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án “*bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định*”

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/ HĐTD-DH/0403210 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty cổ phần Bất động sản tài chính dầu khí Việt Nam đối với Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa). Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án. Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa. Nghị quyết số 05/NQ-KSLK ngày 25/3/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khách sạn Lam Kinh xác nhận điều kiện này, ngoài ra Nghị quyết cũng xác nhận giá trị chuyển theo giá trị quyết toán, đã bao gồm thuế VAT, là 686.034.224.135 đồng. Trước ngày 1/1/2015, Công ty đã ghi nhận doanh thu chuyển nhượng dự án trên cơ sở giá tạm tính, tổng số doanh thu lũy kế đã được ghi nhận là 387.667.476.486 đồng và giá vốn tương ứng là 387.278.250.584 đồng.

Đối với Dự án giai đoạn 2, trong năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa với doanh thu ghi nhận là 52.988.421.438 đồng và giá vốn được ghi nhận 47.040.277.870 đồng.

	Lũy kế đến 31/12/2017	Lũy kế đến 31/12/2016
Giá chuyển nhượng (ước tính) của toàn bộ Dự án	676.655.897.924	623.667.476.486
Phần doanh thu đã ghi nhận	440.228.799.771	387.240.378.333
Giá trị có thể thu hồi từ dự án	236.427.098.153	236.427.098.153
Giá trị dở dang của dự án theo giá gốc	199.600.912.198	242.209.430.021
Lãi/Lỗ tiềm tàng	<b>36.826.185.955</b>	<b>(5.782.331.868)</b>

Giá gốc của dự án tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm chi phí đi vay, tính đến hết năm 2014, được vốn hóa lên tới 150.571.976.781 đồng.

Chi phí đi vay (ước tính) liên quan đến dự án của năm 2015 là 36.984.228.196 đồng, năm 2016 là 36.477.594.933 đồng và năm 2017 là 36.477.594.933 đồng chưa được ghi nhận vào báo cáo tài chính theo nguyên nhân dưới đây.

Khoản lãi tiền vay từ năm 2015 đến 2017, tổng số 109.939.418.061 đồng, chưa được ghi nhận là do Công ty đang trong quá trình thương thảo với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay. Căn cứ hợp lý của việc điều chỉnh là Công ty đã không còn kiểm soát nguồn doanh thu của dự án với tư cách chủ sở hữu từ thời điểm 30/11/2011 (thời điểm ghi nhận khoản doanh thu chuyển nhượng dự án lần đầu tiên. Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa sẽ chấp thuận việc chuyển nhượng dự án và điều chỉnh giảm lãi suất cho vay.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****08. Tài sản dở dang dài hạn**

## b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Dự án 10 ha (Nhà máy cơ khí và SX vật liệu)(*)	-	34.666.558.501
Dự án 157 ha Nghi Sơn (**)	19.367.945.472	21.779.511.023
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.367.945.472</b>	<b>56.446.069.524</b>

(\*) Trong năm 2017, Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn đã có quyết định số 105/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 26/5/2017 về việc chấm dứt dự án, theo đó Công ty TNHH Hải Hà hoàn trả chi phí hợp lý hợp lệ mà Công ty đã đầu tư vào Dự án với giá trị chưa thuế VAT là 24.668.993.850 đồng. Đối với khoản chi phí bao gồm các chi phí tiếp khách và chi phí nhân viên quản lý và chi phí khác có giá trị là 10.041.837.378 đồng không được Công ty TNHH Hải Hà hoàn trả do các chi phí này không đủ tiêu chuẩn thuộc chi phí quản lý dự án theo quy định. Công ty đã ghi nhận doanh thu 24.668.993.850 đồng và giá vốn 24.668.993.850 đồng, đồng thời khoản chi phí 10.041.837.378 đồng được kết chuyển sang tài khoản 242 Chi phí trả trước ngắn hạn để chờ xử lý khi Dự án được chính thức hoàn thành bàn giao.

(\*\*) Trong sự liên quan tới Dự án 157 ha Nghi Sơn, ngày 1/8/2013, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn đã ra quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000081 ngày 23/10/2010 chấm dứt toàn bộ các hoạt động của Công ty liên quan đến dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn và thực hiện các thủ tục thanh lý dự án theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 24/9/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 đồng, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 đồng liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan. Trong năm 2017, Công ty ghi nhận khoản doanh thu có giá trị 8.457.020.096 đồng tại công trình này, đồng thời ghi nhận khoản giá vốn có giá trị tương ứng là 8.457.020.096 đồng, trong đó bao gồm 6.045.454.545 đồng chi phí nhà thầu phụ kết chuyển từ tài khoản phải trả và 2.411.565.551 đồng ghi giảm số dư của dự án.

Nội dung	Tổng số	Đã ghi nhận doanh thu/giá vốn	Còn lại
Giá trị đầu tư thực hiện	26.422.536.093	8.457.020.096	17.965.515.997
Chi phí thực hiện theo giá gốc	28.467.030.068	8.457.020.096	20.010.009.972
<i>Trong đó:</i>			
Số dư XDDB dở dang	21.779.511.023	2.411.565.551	19.367.945.472
Trả trước cho người bán	6.687.519.045	6.045.454.545	642.064.500
<b>Lãi/lỗ</b>	<b>(2.044.493.975)</b>	<b>-</b>	<b>(2.044.493.975)</b>



Handwritten red scribble or mark on the left margin.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****09. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<i>Dư đầu năm</i>	<i>4.155.283.031</i>	<i>1.559.155.063</i>	<i>5.291.321.176</i>	<i>196.699.676</i>	<i>11.202.458.946</i>
<i>Tăng trong năm</i>	<i>4.000.000.000</i>	-	-	-	<i>4.000.000.000</i>
- Mua trong năm	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
<i>Giảm trong năm</i>	<i>4.000.000.000</i>	-	-	-	<i>4.000.000.000</i>
- Thanh lý, nhượng bán	4.000.000.000	-	-	-	4.000.000.000
<i>Dư cuối năm</i>	<i>4.155.283.031</i>	<i>1.559.155.063</i>	<i>5.291.321.176</i>	<i>196.699.676</i>	<i>11.202.458.946</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Dư đầu năm</i>	<i>648.643.696</i>	<i>1.260.309.363</i>	<i>4.951.357.383</i>	<i>196.699.676</i>	<i>7.057.010.118</i>
<i>Tăng trong năm</i>	<i>527.693.483</i>	<i>95.901.616</i>	<i>212.436.346</i>	-	<i>836.031.445</i>
- Khấu hao trong năm	527.693.483	95.901.616	212.436.346	-	836.031.445
<i>Giảm trong năm</i>	<i>125.842.293</i>	-	-	-	<i>125.842.293</i>
- Thanh lý, nhượng bán	125.842.293	-	-	-	125.842.293
<i>Dư cuối năm</i>	<i>1.050.494.886</i>	<i>1.356.210.979</i>	<i>5.163.793.729</i>	<i>196.699.676</i>	<i>7.767.199.270</i>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<i>Đầu năm</i>	<i>3.506.639.335</i>	<i>298.845.700</i>	<i>339.963.793</i>	-	<i>4.145.448.828</i>
<i>Cuối năm</i>	<i>3.104.788.145</i>	<i>202.944.084</i>	<i>127.527.447</i>	-	<i>3.435.259.676</i>

**10. Bất động sản đầu tư****a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

Khoản mục	Nhà và quyền sử dụng đất (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
<i>Dư đầu năm</i>	<i>73.235.868.711</i>	<i>73.235.868.711</i>
<i>Tăng trong năm</i>	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	<i>73.235.868.711</i>	<i>73.235.868.711</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Dư đầu năm</i>	<i>14.640.745.516</i>	<i>14.640.745.516</i>
<i>Tăng trong năm</i>	<i>2.441.460.420</i>	<i>2.441.460.420</i>
- Khấu hao trong năm	2.441.460.420	2.441.460.420
<i>Giảm trong năm</i>	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	<i>17.082.205.936</i>	<i>17.082.205.936</i>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<i>Đầu năm</i>	<i>58.595.123.195</i>	<i>58.595.123.195</i>
<i>Cuối năm</i>	<i>56.153.662.775</i>	<i>56.153.662.775</i>

(\*) Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất Công ty sở hữu và kinh doanh trong năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 56.153.662.775 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của Tòa nhà Dầu khí nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2017 chưa được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.





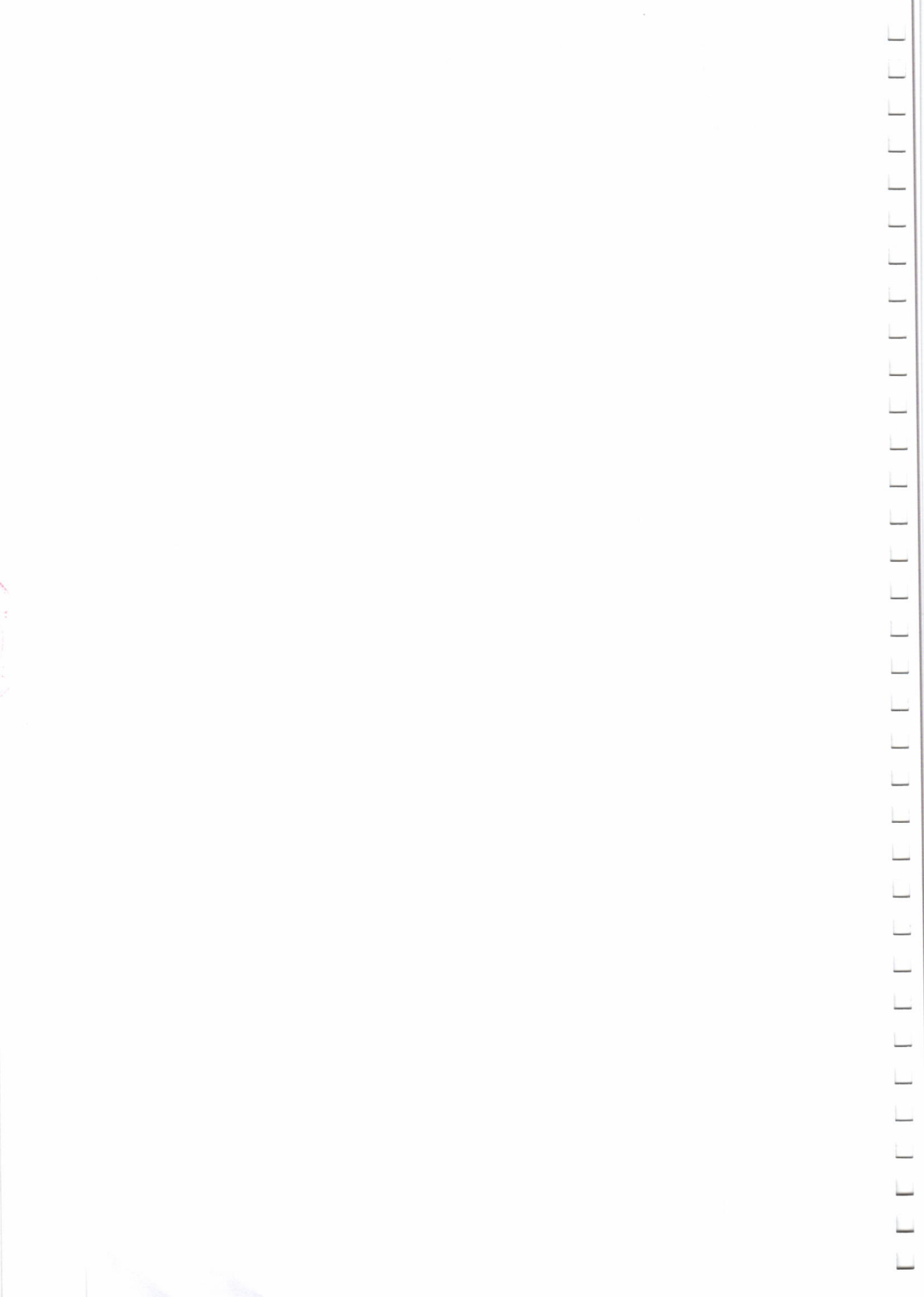
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****11. Chi phí trả trước**

## a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ	1.092.696.006	848.239.606
Chi phí trả trước ngắn hạn	779.962.803	1.194.923.602
Chi phí chờ phân bổ	10.496.382.833	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.369.041.642</b>	<b>2.043.163.208</b>

## b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ	107.015.134	147.002.414
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.015.134</b>	<b>147.002.414</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA**

MÃ SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**12. Vay và nợ thuế tài chính**

a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn ngân hàng VND</b>	<b>307.480.254.505</b>	<b>307.480.254.505</b>	<b>307.480.254.505</b>	<b>307.480.254.505</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505	307.480.254.505
<b>Vay dài hạn cá nhân VND</b>	<b>2.386.543.274</b>	<b>2.386.543.274</b>	<b>2.386.543.274</b>	<b>2.386.543.274</b>
Lê Văn Khoa	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274	119.113.274	119.113.274
Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	1.867.430.000	1.867.430.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>309.866.797.779</b>	<b>309.866.797.779</b>	<b>309.866.797.779</b>	<b>309.866.797.779</b>

(\*) Ngày 11/1/2011 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210. Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là từ 27/12/2010 đến 15/4/2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ 15/1/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ 27/12/2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Tại ngày 28/1/2011, Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08, phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/1/2011. Số tiền vay là 26.259.885.960 đồng, mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi, thời hạn vay là 10 năm tính từ 24/12/2010, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Lê Lợi

Page 1 of 1

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (tiếp theo)

## 13. Phải trả người bán

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán thông thường</b>	<b>13.384.442.626</b>	<b>13.384.442.626</b>	<b>13.096.699.913</b>	<b>13.096.699.913</b>
Tổng công ty XD số 01-TNHH I thành viên	3.015.783.360	3.015.783.360	3.015.783.360	3.015.783.360
Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại Việt Nam	1.511.375.494	1.511.375.494	1.891.955.706	1.891.955.706
Công ty TNHH thương mại cơ điện Việt Nhật	1.468.177.683	1.468.177.683	-	-
BCH Công trường Quảng Ninh	709.500.000	709.500.000	-	-
Công ty Cổ phần INVICO Tây Hồ	702.128.000	702.128.000	-	-
Công ty xây lắp điện TNP Việt Nam	480.429.026	480.429.026	-	-
Công ty Sen vàng Hoa Lư	200.001.300	200.001.300	-	-
Công ty TNHH KD thép và vật tư Bình Minh	500.000	500.000	283.558.202	283.558.202
Công ty MTV Tân Thành 6	-	-	1.148.140.000	1.148.140.000
Các khách hàng khác	5.296.547.763	5.296.547.763	6.757.262.645	6.757.262.645
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>1.374.916.600</b>	<b>1.374.916.600</b>	<b>2.309.506.189</b>	<b>2.309.506.189</b>
(Xem Thuyết minh VII.1)				
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.759.359.226</b>	<b>14.759.359.226</b>	<b>15.406.206.102</b>	<b>15.406.206.102</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 13. Phải trả người bán

b) Phải trả người bán dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán thông thường</b>	<b>21.962.170.679</b>	<b>21.962.170.679</b>	<b>25.321.875.643</b>	<b>25.321.875.643</b>
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty cổ phần COSEVCO 1	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
TCT công trình Giao thông I Thanh Hoá - CT CP	-	-	2.362.313.000	2.362.313.000
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818
DNTN xây dựng Bắc Sơn	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975
Cty CP KTKS Nghệ An	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477
CTy TNHH Tùng Giang	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111
Các khách hàng khác	4.331.753.719	4.331.753.719	5.329.145.683	5.329.145.683
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>53.138.874.453</b>	<b>53.138.874.453</b>	<b>53.826.498.065</b>	<b>53.826.498.065</b>
(Xem Thuyết minh VII.1)				
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.101.045.132</b>	<b>75.101.045.132</b>	<b>79.148.373.708</b>	<b>79.148.373.708</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH EAGLEBURMANN Việt Nam	986.576.848	1.488.156.583
Công ty CP tập đoàn dầu tư Quảng Ninh	5.611.037.000	-
Trạm y tế Cẩm Vân, Cẩm Thủy	-	1.773.048.000
Ban điều hành NM Nhiệt điện Thái bình 2	-	1.861.869.111
Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	-	2.300.000.000
Các khách hàng khác	166.744.252	264.195.468
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.764.358.100</b>	<b>7.687.269.162</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a) Phải thu**

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế TNDN	60.521.822	9.488.421.438	9.488.421.438	60.521.822
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.521.822</b>	<b>9.488.421.438</b>	<b>9.488.421.438</b>	<b>60.521.822</b>

**b) Phải trả**

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	866.665.754	2.691.041.174	2.584.613.350	973.093.578
Thuế thu nhập cá nhân	20.749.680	6.295.627	12.271.983	14.773.324
Thuế tài nguyên	3.953.586	-	-	3.953.586
Thuế, tiền thuê đất	129.275.294	477.142.137	606.417.431	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí , lệ phí , phải nộp khác	2.823.990	1.212.303.705	1.212.303.705	2.823.990
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.023.468.304</b>	<b>4.392.782.643</b>	<b>4.421.606.469</b>	<b>994.644.478</b>

**16. Chi phí phải trả****a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà thầu phụ công trình Cẩm vân	27.223.813	-
Công trình kho xăng dầu Nghi sơn	545.441.883	-
Công trình cầu Triệu đô	540.790.898	-
Các công trình khác	-	7.614.231.523
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.113.456.594</b>	<b>7.614.231.523</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****17. Phải trả khác**

## a) Phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>76.279.311.850</b>	<b>73.948.957.122</b>
<i>Trong đó:</i>		
Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam	75.893.981.471	73.326.929.174
Bảo hiểm xã hội	-	126.628.590
Bảo hiểm y tế	-	39.640.121
Bảo hiểm thất nghiệp	-	28.567.614
Kinh phí công đoàn	171.769.914	207.513.069
Các đối tượng khác	213.560.465	219.678.554
<b>Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan</b>	<b>79.669.150</b>	<b>87.280.800</b>
<i>(Xem Thuyết minh VII.1)</i>		
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.358.981.000</b>	<b>74.036.237.922</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

## a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Cung cấp dịch vụ	182.747.149	1.010.822.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>182.747.149</b>	<b>1.010.822.660</b>

## b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Bất động sản đầu tư cho thuê	19.251.336.896	19.732.620.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.251.336.896</b>	<b>19.732.620.319</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

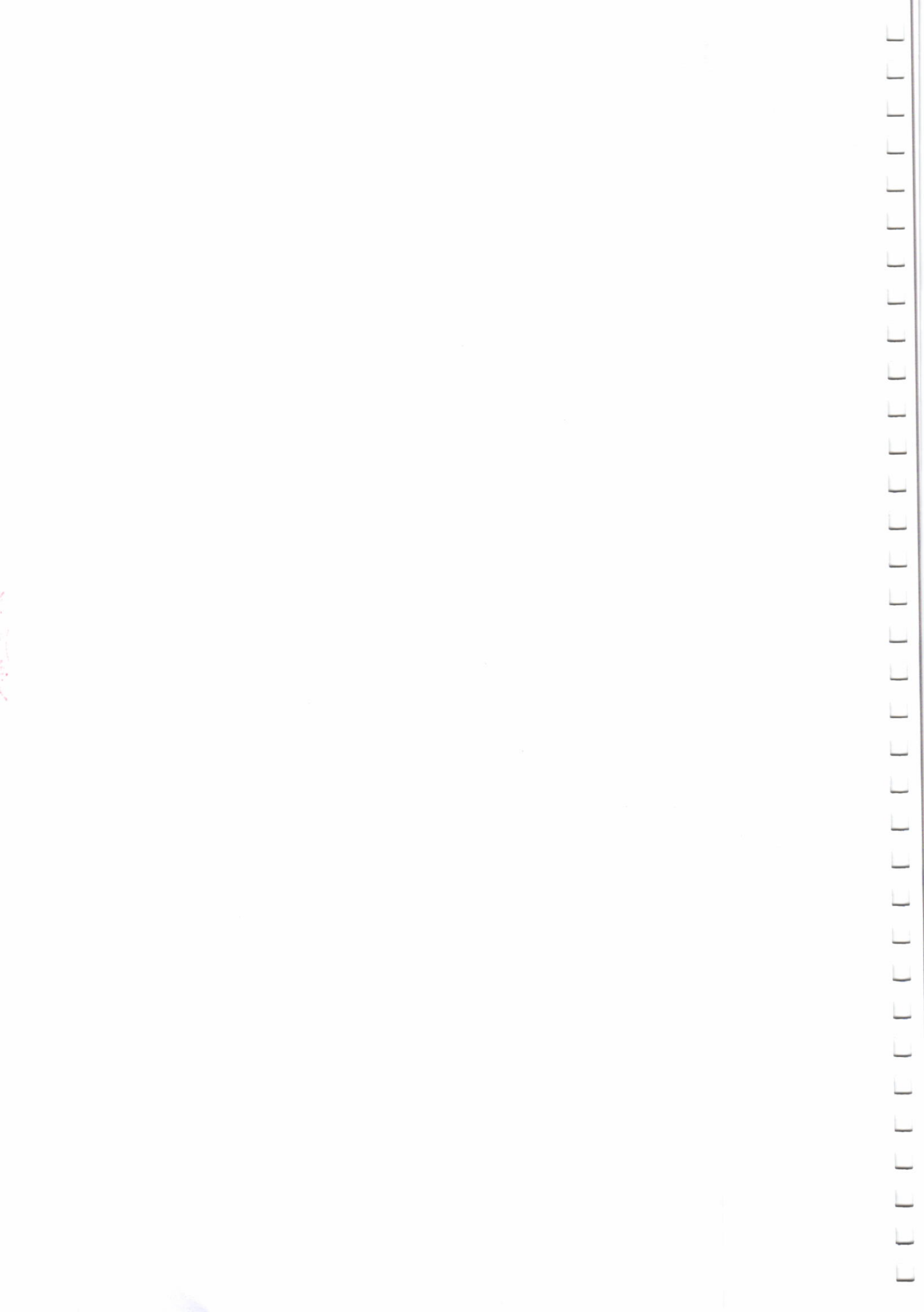
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 19. Vốn chủ sở hữu"

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2016	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(81.219.037.573)	136.704.440.007
- Lãi năm trước				1.033.811.251	1.033.811.251
- Cổ tức năm 2011				(33.500.000)	(33.500.000)
Số dư ngày 31/12/2016	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(80.218.726.322)	137.704.751.258
Số dư ngày 01/01/2017	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(80.218.726.322)	137.704.751.258
- Lỗ năm nay	-			(4.986.867.673)	(4.986.867.673)
Số dư ngày 31/12/2017	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(85.205.593.995)	132.717.883.585





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	75.600.000.000
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	36.750.000.000	36.750.000.000
Ban Điều hành liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	32.000.000.000	32.000.000.000
Các cổ đông khác	32.650.000.000	32.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>

b) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị: VNĐ

**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.856.138.753	2.801.891.770
Doanh thu nhượng bán bất động sản	86.114.435.384	-
- Dự án KS Lam Kinh giai đoạn 2	52.988.421.438	-
- Dự án 10 ha Nghi Sơn (Nhà máy)	24.668.993.850	-
- Dự án 157 ha Nghi Sơn	8.457.020.096	-
Doanh thu xây lắp	30.569.421.607	35.481.084.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.203.775.798	6.533.840.544
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.743.771.542</b>	<b>44.816.817.212</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	3.122.771.187	3.795.554.109
Giá vốn nhượng bán bất động sản	80.166.291.816	-
- Dự án KS Lam Kinh giai đoạn 2	47.040.277.870	-
- Dự án 10 ha Nghi Sơn (Nhà máy)	24.668.993.850	-
- Dự án 157 ha Nghi Sơn	8.457.020.096	-
Giá vốn xây lắp	23.812.202.592	30.360.471.077
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.557.795.272	3.265.186.444
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.659.060.867</b>	<b>37.421.211.630</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)****03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.376.206.794	62.261.541
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.376.206.794</b>	<b>62.261.541</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	2.567.052.297	2.574.091.215
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.328.143.608,39	1.469.161.949
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.895.195.905</b>	<b>4.043.253.164</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	-	291.090.909
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát (*)	3.053.813.968	4.611.897.314
Cho thuê phương tiện thi công	50.000.000	250.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	79.328.239	193.456.726
Các khoản thu nhập khác	-	43.147.876
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.183.142.207</b>	<b>5.389.592.825</b>

(\*) Các khoản thu nhập được ghi nhận dựa trên các biên bản xác nhận ghi giảm giá trị khối lượng của nhà thầu phụ Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát đã thực hiện đối với một số công trình mà Công ty đã quyết toán doanh thu và giá vốn từ năm 2011. Các khoản thu nhập hạch toán trên cơ sở ghi tăng các khoản phải thu.

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê phương tiện thi công	369.505.156	350.017.428
Phạt chậm nộp thuế và vi phạm hành chính về thuế	1.129.104.355	-
Phạt chậm nộp BHXH	158.316.657	-
Công ty CP ĐT&TM Dầu khí Sông Hồng (*)	-	174.166.666
Chi phí khác	-	9.167.037
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.656.926.168</b>	<b>533.351.131</b>

(\*) Khoản điều chỉnh giảm chi phí sử dụng vốn đối với Công ty Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng về dự án Khu đô thị PVSH Garden từ 7.117.152.777 đồng xuống còn 6.492.986.111 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)****07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Nhượng bán bất động sản	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Thu nhập kế toán trước thuế	5.948.143.568	(1.446.633.802)	4.501.509.766
Các khoản điều chỉnh	41.493.963.622	(3.727.244.499)	37.766.719.123
- Giá đất chuyển nhượng thấp hơn khung giá do UBND tỉnh quy định	41.493.963.622	-	41.493.963.622
- Thuế bị truy thu và phạt hành chính	-	1.287.421.012	1.287.421.012
- Chuyển lỗ	-	(5.014.665.511)	(5.014.665.511)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>47.442.107.190</b>	<b>-</b>	<b>47.442.107.190</b>
Thuế suất	20%	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.488.421.438</b>	<b>-</b>	<b>9.488.421.438</b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(4.986.911.672)	1.033.811.251
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.986.911.672)	1.033.811.251
Cổ phiếu lưu hành bình quân năm	21.000.000	21.000.000
<b>Thu nhập trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>(237)</b>	<b>49</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch đối với bên liên quan**

## a) Danh sách các bên liên quan

**Bên liên quan**

Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam  
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC  
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát  
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh  
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí  
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội  
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC  
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí  
Công ty CP Xây lắp dầu khí Trường Sơn  
Công ty CP Xây lắp dầu khí Nghệ An  
Công ty CP Thương mại dầu khí Nghệ An  
Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí  
Công ty Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu Khí  
Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Chi nhánh của cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Công ty liên kết  
Công ty con của cổ đông lớn  
Công ty con của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn  
Công ty con của cổ đông lớn  
Công ty liên kết của cổ đông lớn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch đối với bên liên quan (tiếp)****b) Giao dịch với Bên liên quan****Doanh thu và thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	5.670.652.290
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	11.510.834.064	4.611.897.314
Công ty CP xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	7.745.860.399	20.042.400.823
Công ty Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu Khí	4.666.510.947	-
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	-	1.620.168.422
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	3.758.823.100	3.582.478.733
Ban ĐH DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	6.296.004.075	2.771.150.694
<b>Cộng</b>	<b>22.467.198.521</b>	<b>38.298.748.276</b>

**Mượn trực tiếp từ khoản thu hồi vốn từ****Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu**

Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.543.868.900	-
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.543.868.900</b>	<b>-</b>

**c) Số dư đối với các bên liên quan****Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	247.181.211	463.780.000
Ban ĐH DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	10.511.323.756	-
Công ty Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu Khí	2.814.723.844	-
<b>Cộng</b>	<b>13.573.228.811</b>	<b>463.780.000</b>

**Phải thu dài hạn của khách hàng**

Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	45.260.578.319	49.660.578.319
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	16.670.847.853	13.936.939.076
Công ty CP xây dựng và dân dụng Dầu khí ( PVC-IC)	8.608.599.625	4.955.993.883
<b>Cộng</b>	<b>70.540.025.797</b>	<b>68.553.511.278</b>

**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	1.088.870.000
<b>Cộng</b>	<b>1.088.870.000</b>	<b>1.088.870.000</b>

**Trả trước cho người bán dài hạn**

Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	36.132.345.894	27.700.063.484
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	3.499.319.305
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC	1.728.378.072	1.728.378.072
<b>Cộng</b>	<b>41.360.043.271</b>	<b>32.927.760.861</b>

**Phải thu ngắn hạn khác**

Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	1.412.124.880	1.412.124.880
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC (DA Lam Kinh)	994.670.905	994.670.905
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	4.754.218	4.754.218
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC - DA 25 ha Nghi Sơn	89.205.644	89.205.644
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	-	5.073.087.045
<b>Cộng</b>	<b>2.500.755.647</b>	<b>7.573.842.692</b>

1995. 10. 10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)****01. Giao dịch đối với bên liên quan (tiếp)**

## c) Số dư đối với các bên liên quan (tiếp)

**Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	-	934.589.589
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	233.289.850	233.289.850
CN xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - PVC	1.141.626.750	1.141.626.750
<b>Cộng</b>	<b>1.374.916.600</b>	<b>2.309.506.189</b>

**Phải trả người bán dài hạn**

Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	22.702.329.167	22.802.329.167
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	986.658.054	-
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.781.771.063	1.781.771.063
Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	1.574.281.666
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	1.191.563.979	1.191.563.979
Công ty CP thương mại dầu khí Nghệ An	810.495.359	810.495.359
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	626.803.218	626.803.218
Công ty CP Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	164.100.994	164.100.994
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>53.138.874.453</b>	<b>53.826.498.065</b>

**Phải trả ngắn hạn khác**

Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	79.669.150	87.280.800
<b>Cộng</b>	<b>79.669.150</b>	<b>87.280.800</b>

**02. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi cùng công ty kiểm toán với ý kiến



**Nguyễn Quốc Đạt**  
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Trịnh Thị Thương**  
Kế toán trưởng

**Dương Thị Nhung**  
Người lập